



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

ja

ty

on

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

ona

ono

my

các bạn

họ

cái gì

wy

oni / one

co

ai

ở đâu

tại sao

kto

gdzie

dlaczego

làm sao

cái nào

lúc nào

jak

który

kiedy

sau đó

nếu

thật sự

następnie

gdyby

naprawdę

nhưng

bởi vì

không

ale

ponieważ

nie

này

đó
vật

tất cả

to

tamto

wszystko

hoặc

và

đây

lub

i

tutaj

đó
địa điểm

trái

phải

tam

lewo

prawo

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

teraz

popołudnie
popołudnia

przedpołudnie
przedpołudnia

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

noc
noce

rano
rana

wieczór
wieczory

buổi trưa

południe

nửa đêm

północ

giờ

godzina
godziny

phút

minuta
minuty

giây

sekunda
sekundy

ngày

dzień
dni

tuần

tydzień
tygodnie

tháng

miesiąc
miesiące

năm

rok
lata

hôm qua

wczoraj

hôm nay

dzisiaj

ngày mai

jutro

thứ hai
ngày

poniedziałek
poniedziałki

thứ ba
ngày

wtorek
wtorki

thứ tư
ngày

środa
środy

thứ năm

czwartek
czwartki

thứ sáu

piątek
piątki

thứ bảy

sobota
soboty

chủ nhật

niedziela
niedziele

đàn bà

kobieta
kobiety

đàn ông

mężczyzna
mężczyźni

tình yêu

miłość
-

bạn trai

chłopak
chłopaki

bạn gái

dziewczyna
dziewczyny

bạn
danh từ

przyjaciół
przyjaciele

hôn
danh từ

pocałunek
pocałunki

tình dục

seks
-

trẻ em

dziecko
dzieci

con gái
đại cương

dziewczynka
dziewczynki

con trai
đại cương

chłopiec
chłopcy

mẹ

mama
mamy

ba

tata
tatowie

má
mẹ

matka
matki

cha

ojciec
ojcowie

cha mẹ

rodzice
rodzice

con trai
gia đình

syn
synowie

con gái
gia đình

em gái

em trai

córká
córkí

młodsza siostra
młodsze siostry

młodszy brat
młodzi bracia

chị gái

anh trai

chồng

starsza siostra
starsze siostry

starszy brat
starsi bracia

mąż
mężowie

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

żona
żony

każdy

zawsze

thực ra

lần nữa

đã

faktycznie

jeszcze raz

już

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

mniej

najwięcej

więcej

không có

rất

ở ngoài

żaden

bardzo

na zewnątrz

ở trong

xa

gần

wewnątrz

daleko

blisko

bên dưới

bên trên

bên cạnh

pod

ponad

obok

phía trước

phía sau

mọi người

przód

tył

wszyscy

cùng nhau

khác

mùa xuân

razem

inny

wiosna
wiosny

mùa hè

mùa thu

mùa đông

lato
lata

jesień
jesienie

zima
zimy

tháng một

tháng hai

tháng ba

styczeń
styczeń

luty
lute

marzec
marce

tháng tư

kwiecień
kwietnie

tháng năm

maj
maje

tháng sáu

czerwiec
czerwce

tháng bảy

lipiec
lipce

tháng tám

sierpień
sierpnie

tháng chín

wrzesień
wrześnie

tháng mười

październik
październiki

tháng mười một

listopad
listopady

tháng mười hai

grudzień
grudnie

bắc

północ

đông

wschód

nam

południe

tây

thường xuyên

ngay lập tức

zachód

często

natychmiast

đột ngột

mặc dù

nagle

mimo że

Số

0

zero

1

jeden

2

dwa

3

trzy

4

cztery

5

pięć

6

sześć

7

siedem

8

osiem

9

dziewięć

10

dziesięć

11

jedenaście

12

dwanaście

13

trzynaście

14

czternaście

15

piętnaście

16

szesnaście

17

siedemnaście

18

osiemnaście

19

dziewiętnaście

20

dwadzieścia

21

dwadzieścia jeden

22

dwadzieścia dwa

26

dwadzieścia sześć

30

trzydzieści

31

trzydzieści jeden

33

trzydzieści trzy

37

trzydzieści siedem

40

czterdzieści

41

czterdzieści jeden

44

czterdzieści cztery

48

czterdzieści osiem

50

pięćdziesiąt

51

pięćdziesiąt jeden

55

pięćdziesiąt pięć

59

pięćdziesiąt dziewięć

60

sześćdziesiąt

61

sześćdziesiąt jeden

62

sześćdziesiąt dwa

66

sześćdziesiąt sześć

70

siedemdziesiąt

71

siedemdziesiąt jeden

73

siedemdziesiąt trzy

77

siedemdziesiąt siedem

80

osiemdziesiąt

81

osiemdziesiąt jeden

84

osiemdziesiąt cztery

88

osiemdziesiąt osiem

90

dziewięćdziesiąt

91

dziewięćdziesiąt jeden

95

dziewięćdziesiąt pięć

99

dziewięćdziesiąt dziewięć

100

sto

101

sto jeden

105

sto pięć

110

sto dziesięć

151

sto pięćdziesiąt jeden

200

dwieście

202

dwieście dwa

206

dwieście sześć

220

dwieście dwadzieścia

262

dwieście sześćdziesiąt dwa

300

trzysta

303

trzysta trzy

307

trzysta siedem

330

trzysta trzydzieści

373

trzysta siedemdziesiąt trzy

400

czterysta

404

czterysta cztery

408

czterysta osiem

440

czterysta czterdzieści

484

czterysta osiemdziesiąt
cztery

500

pięćset

505

pięćset pięć

509

pięćset dziewięć

550

pięćset pięćdziesiąt

595

pięćset dziewięćdziesiąt pięć

600

sześćset

601

sześćset jeden

606

sześćset sześć

616

sześćset szesnaście

660

sześćset sześćdziesiąt

700

siedemset

702

siedemset dwa

707

siedemset siedem

727

siedemset dwadzieścia
siedem

770

siedemset siedemdziesiąt

800

osiemset

803

osiemset trzy

808

osiemset osiem

838

osiemset trzydzieści osiem

880

osiemset osiemdziesiąt

900

dziewięćset

904

dziewięćset cztery

909

dziewięćset dziewięć

949

dziewięćset czterdzieści
dziewięć

990

dziewięćset dziewięćdziesiąt

1000

tysiąc

1001

tysiąc jeden

1012

tysiąc dwanaście

1234

tysiąc dwieście trzydzieści
cztery

2000

dwa tysiące

2002

dwa tysiące dwa

2023

dwa tysiące dwadzieścia trzy

2345

dwa tysiące trzysta
czterdzieści pięć

3000

trzy tysiące

3003

trzy tysiące trzy

4000

cztery tysiące

4045

cztery tysiące czterdzieści
pięć

5000

pięć tysięcy

5678

pięć tysięcy sześćset
siedemdziesiąt osiem

6000

sześć tysięcy

7000

siedem tysięcy

7890

siedem tysięcy osiemset
dziewięćdziesiąt

8000

osiem tysięcy

8901

osiem tysięcy dziewięćset
jeden

9000

dziewięć tysięcy

9090

dziewięć tysięcy
dziewięćdziesiąt

10.000

dziesięć tysięcy

10.001

dziesięć tysięcy jeden

20.020

dwadzieścia tysięcy
dwadzieścia

30.300

trzydzieści tysięcy trzysta

44.000

czterdzieści cztery tysiące

100.000

sto tysięcy

500.000

pięćset tysięcy

1.000.000

milion

6.000.000

sześć milionów

10.000.000

dziesięć milionów

70.000.000

siedemdziesiąt milionów

100.000.000

sto milionów

800.000.000

osiemset milionów

1.000.000.000

miliard

9.000.000.000

dziewięć miliardów

10.000.000.000

dziesięć miliardów

20.000.000.000

dwadzieścia miliardów

100.000.000.000

sto miliardów

300.000.000.000

trzysta miliardów

1.000.000.000.000

bilion

Động từ

biết

wiedzieć

-

nghĩ

myśleć
pomyśleć

đến

przychodzić
przyjść

đặt

kłaść
położyć

lấy

brać
wziąć

tìm

znajdować
znaleźć

nghe

słuchać
posłuchać

làm việc

pracować
-

nói chuyện

mówić
powiedzieć

cho

dawać
dać

thích

lubić
polubić

giúp đỡ

pomagać
pomóc

yêu

kochać
pokochać

gọi

telefonować
zatelefonować

chờ đợi

czekać
poczekać

đứng

stać
stanąć

ngồi

siedzieć
posiedzieć

đóng

zamykać
zamknąć

mở
cửa

otwierać
otworzyć

thua

przegrywać
przegrać

thắng

wygrywać
wygrać

chết

umierać
umrzeć

sống
động từ

żyć
przeżyć

bật

włączać coś
włączyć

tắt

wyłączać coś
wyłączyć

giết

zabijać
zabić

làm bị thương

skaleczyć się
-

chạm

dotykać
dotknąć

xem

oglądać
obejrzeć

uống

pić
wypić

ăn

jeść
zjeść

đi bộ

chodzić
-

gặp

spotykać się
spotkać się

đặt cược

zakładać się
założyć się

hôn
động từ

pocałować
-

đi theo

podążać
podążyć

cưới

poślubić

-

trả lời

odpowiadać
odpowiedzieć

hỏi

pytać
zapytać

kéo

ciągnąć
pociągnąć

đẩy

pchać
pchnąć

ấn

nacisnąć
-

đánh

uderzać
uderzyć

bắt

łapać
złapać

chiến đấu

walczyć
-

ném

rzucać
rzucić

chạy
động từ

biegać
pobiec

đọc

czytać
przeczytać

viết

pisać
napisać

sửa chữa

naprawiać
naprawić

đếm

liczyć
policzyć

cắt

ciąć
pociąć

bán

sprzedawać
sprzedać

mua

kupować
kupić

trả

płacić
zapłacić

học

uczyć się
nauczyć się

mơ

marzyć
wymarzyć

ngủ

spać
wyspać

chơi

grać
zagrać

ăn mừng

obchodzić
obejść

thưởng thức

cieszyć się
ucieszyć się

dọn dẹp

sprzątać
posprzątać

bắn

strzelać
strzelić

bảo vệ

bronić
obronić

tấn công

atakować
zaatakować

trộm

kraść
ukraść

đốt

palić
zapalić

cứu

ratować
uratować

bay

latać
lecieć

khắc nhỏ

pluć
splunąć

đá
động từ

kopać
kopnąć

cắn

gryźć
ugryźć

thở

oddychać
odetchnąć

ngửi

wąchać
powąchać

khóc

plakać
zapłakać

hát

śpiewać
zaśpiewać

cười mỉm

uśmiechać się
uśmiechnąć się

cười

śmiać się
uśmieać się

lớn lên

rosnąć
urosnąć

co lại

kurczyć się
skurczyć się

tranh luận

kłócić się
pokłócić się

chia sẻ

dzielić się
podzielić się

cho ăn

karmić
nakarmić

trốn

ukrywać
ukryć

cảnh báo

ostrzegać
ostrzec

bơi

pływać
popłynąć

nhảy

skakać
skoczyć

nâng

podnosić
podnieść

đào

kopać
kopnąć

giao hàng

dostarczać
dostarczyć

tìm kiếm

szukać
poszukać

luyện tập

ćwiczyć
wyćwiczyć

đi du lịch

podróżować
-

vẽ

malować
namalować

mở
khóa

otwierać
otworzyć

khóa

zamykać
zamknąć

rửa

myć
umyć

cầu nguyện

modlić się
pomodlić się

nấu ăn

gotować
ugotować

nôn

wymiotować
zwymiotować

la hét

krzyczeć
krzyknąć

trích dẫn

cytować
zacytować

in

drukować
wydrukować

tính toán

liczyć
policzyć

kiếm tiền

zarabiać
zarobić

Tính từ

mới

cũ

ít

nowy

stary

mało

nhiều

sai

chính xác

wiele

blędny

poprawny

xấu

tốt

hạnh phúc

zły

dobry

szczęśliwy

ngắn

dài

nhỏ

krótki

długi

mały

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

duży

piękny

młody

già

màu trắng

màu đen

stary

biały

czarny

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

czerwony

niebieski

zielony

màu vàng

chậm

nhanh

żółty

wolny

szybki

vui vẻ

zabawny

không công bằng

niesprawiedliwy

công bằng

sprawiedliwy

khó

trudny

dễ

łatwy

giàu

bogaty

nghèo

biedny

khỏe

silny

yếu

słaby

an toàn

bezpieczny

mệt mỏi

zmęczony

tự hào

dumny

no bụng

najedzony

bệnh

chory

khỏe mạnh

zdrowy

tức giận

gniewny

thấp
đại cương

niski

cao
đại cương

wysoki

ngọt

słodki

chua

kwaśny

mềm

miękki

cứng

twardy

đáng yêu

uroczy

ngu ngốc

głupi

điên khùng

zwariowany

bận rộn

zajęty

cao
người

wysoki

thấp
người

niski

lo lắng

zmartwiony

ngạc nhiên

zaskoczony

cư xử tốt

grzeczny

ác độc

zły

khéo léo

sprytny

lạnh

zimny

nóng

gorący

màu cam

pomarańczowy

màu xám

szary

màu nâu

brązowy

màu hồng

różowy

nhàm chán

nudny

nặng

ciężki

nhẹ

lekki

cô đơn

samotny

đói bụng

głodny

khát nước

spragniony

buồn

smutny

dốc

stromy

bằng phẳng

płaski

hẹp

wąski

rộng

szeroki

sâu

głęboki

nông

płytki

lớn
rất

ogromny

bẩn

brudny

sạch sẽ

czysty

đầy

pełny

trống rỗng

pusty

đắt

drogi

rẻ

tani

quyến rũ

seksowny

lười biếng

leniwy

dũng cảm

odważny

hào phóng

hojny

ướt

mokry

khô

suchy

ồn ào

głośny

yên tĩnh

cichy

nắng

słoneczny

nhiều mưa

deszczowy

sương mù
tính từ

mglisty

nhiều mây

zachmurzony

Thể thao

thể dục dụng cụ

gimnastyka

quần vợt

tenis

chạy
danh từ

bieganie

đạp xe

kolarstwo

đánh golf

golf

bóng đá

piłka nożna

bóng rổ

koszykówka

bơi lội

pływanie

lặn

nurkowanie

đi bộ đường dài

wędrówki piesze

chạy marathon

maraton

ba môn phối hợp

triathlon

bóng bàn

tenis stołowy

cử tạ

podnoszenie ciężarów

quyền anh

boks

cầu lông

badminton

trượt băng nghệ thuật

łyżwiarstwo figurowe

trượt ván tuyết

snowboarding

trượt tuyết

narciarstwo

trượt tuyết băng đồng

biegi narciarskie

khúc côn cầu trên băng

hokej na lodzie

bóng chuyền

siatkówka

bóng ném

piłka ręczna

bóng chuyền bãi biển

siatkówka plażowa

bóng rugby

rugby

bóng gậy

krykieta

bóng chày

baseball

bóng bầu dục Mỹ

futbol amerykański

bóng nước

piłka wodna

nhảy cầu

skoki do wody

lướt sóng

surfing

đua thuyền buồm

żeglarsstwo

chèo thuyền

wioślarstwo

yoga

joga

khiêu vũ

taniec

nhảy dù

spadochroniarstwo

cờ vua

đánh bài poker

bowling

szachy

poker

kręgle

múa ba lê

balet

Động vật

con lợn

świnia
świnie

con bò

krowa
krowy

con ngựa

koń
konie

con chó

pies
psy

con cừu

owca
owce

con khỉ

małpa
małpy

con mèo

kot
koty

con gấu

niedźwiedź
niedźwiedzie

con gà

kurczak
kurczaki

con vịt

kaczka
kaczki

con bướm

motyl
motyle

con ong

pszczoła
pszczoły

con cá

ryba
ryby

con nhện

pająk
pająki

con rắn

wąż
węże

con hổ

tygrys
tygrysy

con chuột

mysz
myszy

con thỏ

królik
króliki

con sư tử

lew
lwy

con lừa

osioł
osły

con voi

słoń
słonie

con chim bồ câu

gołąb
gołębie

con bọ

pluskwa
pluskwy

con muỗi

komar
komary

con ruồi

mucha
muchy

con kiến

mrówka
mrówki

con cá voi

wieloryb
wieloryby

con cá mập

rekin
rekiny

con cá heo

delfin
delfiny

con ốc sên

ślimak
ślimaki

con ếch

żaba
żaby

con gấu trúc

panda
pandy

con gấu Bắc cực

niedźwiedź polarny
niedźwiedzie polarne

con chó sói

wilk
wilki

con gấu túi

koala
koale

con chuột túi

kangur
kangury

con hươu cao cổ

żyrafa
żyrafy

con cáo

lis
lisy

con hà mã

hipopotam
hipopotamy

con dơi

nietoperz
nietoperze

con quạ

kruk
kruki

con thiên nga

łabędź
łabędzie

con chim hải âu

mewa
mewy

con cú

sowa
sowy

con chim cánh cụt

pingwin
pingwiny

con vẹt

papuga
papugi

con sâu bướm

gąsienica
gąsienice

con chuồn chuồn

ważka
ważki

con mực ống

kałamarnica
kałamarnice

con bạch tuộc

ośmiornica
ośmiornice

con cá ngựa

konik morski
koniki morskie

con hải cẩu

foka
foki

con sứa

meduza
meduzy

con cua

krab
kraby

con khủng long

dinozaur
dinozaury

con rùa cạn

żółw
żółwie

con cá sấu

krokodyl
krokodyle

Quốc gia

Châu Âu

Europa

Châu Á

Azja

Châu Mỹ

Ameryka

Châu Phi

Afryka

Vương quốc Anh

Wielka Brytania

Tây Ban Nha

Hiszpania

Thụy sĩ

Szwajcaria

Ý

Włochy

Pháp

Francja

Đức

Niemcy

Thái Lan

Tajlandia

Singapore

Singapur

Nga

Nhật Bản

Israel

Rosja

Japonia

Izrael

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Indie

Chiny

Stany Zjednoczone Ameryki

Mexico

Canada

Chile

Meksyk

Kanada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Brazylia

Argentyna

Południowa Afryka

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Nigeria

Maroko

Libia

Kenya

Algeria

Ai Cập

Kenia

Algieria

Egipt

New Zealand

Úc

Nowa Zelandia

Australia

Cơ thể

đầu

głowa
głowy

mũi

nos
nosy

tóc

włos
włosy

miệng

usta
usta

tai

ucho
uszy

mắt

oko
oczy

bàn tay

ręka
ręce

bàn chân

stopa
stopy

tim

serce
serca

não

mózg
mózgi

cổ

szyja
szyje

mông

pośladki
pośladki

vai

ramię
ramiona

đầu gối

kolano
kolana

chân

noga
nogi

tay

ramię
ramiona

bụng

brzuch
brzuchy

ngực

biust
biusty

lưng

plecy
plecy

răng

ząb
zęby

lưỡi

język
języki

môi

warga
wargi

ngón tay

palec
palce

ngón chân

palec u nogi
palce u nogi

dạ dày

żołądek
żołądki

phổi

płuco
płuca

gan

wątroba
wątroby

dây thần kinh

nerw
nerwy

thận

nerka
nerki

ruột

jelito
jelita

trán

czoło
czoła

cằm

podbródek
podbródki

má
cơ thể

policzek
policzki

râu

broda
brody

ngón cái

kciuk
kciuki

ngón tay út

mały palec
małe palce

ngón tay đeo nhẫn

palec serdeczny
palce serdeczne

ngón tay giữa

palec środkowy
palce środkowe

ngón tay trỏ

palec wskazujący
palce wskazujące

móng tay

paznokieć
paznokcie

gót chân

pięta
pięty

xương sống

kręgosłup
kręgosłupy

cơ bắp

mięsień
mięśnie

xương
cơ thể

kość
kości

bộ xương

szkielet
szkielety

xương sườn

żebro
żebra

đốt sống

kręg
kręgi

bàn quang

pęcherz
pęcherze

tĩnh mạch

żyła
żyły

động mạch

tętnica
tętnice

âm đạo

pochwa
pochwy

tinh trùng

sperma
spermy

dương vật

penis
penisy

tinh hoàn

jądro
jądra

Ngôi nhà

cửa

drzwi
drzwi

nhà bếp

kuchnia
kuchnie

phòng tắm

łazienka
łazienki

phòng khách

pokój dzienny
pokoje dzienne

phòng ngủ

sypialnia
sypialnie

vườn

ogród
ogrody

gara

garaż
garaże

tường

ściana
ściany

tầng hầm

piwnica
piwnice

nhà vệ sinh
nhà ở

toaleta
toalety

cầu thang

schody
schody

mái nhà

dach
dachy

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

okno
okna

nóż
noże

filiżanka
filiżanki

ly

đĩa

cốc

szklanka
szklanki

talerz
talerze

kubek
kubki

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

kosz na śmieci
kosze na śmieci

miska
miski

biurko
biurka

giường

gương

vòi hoa sen

łóżko
łóżka

lustro
lustra

prysznic
prysznice

ghế xô pha

sofa
sofy

ảnh

obraz
obrazy

đồng hồ

zegar
zegary

bàn
nhà

stół
stoły

ghế
nhà

krzesło
krzesła

hàng xóm

sąsiad
sąsiedzi

thang máy

winda
windy

ban công

balkon
balkony

gác xép

poddasze
poddasza

ống khói

komin
kominy

muỗng gỗ

drewniana łyżka
drewniane łyżki

đũa

pałeczka
pałeczki

bộ dao nĩa

sztućce
sztućce

muỗng

łyżka
łyżki

nĩa

widelec
widelce

cái vá

chochla
chochle

nồi

garnek
garnki

chảo

patelnia
patelnie

bóng đèn

żarówka
żarówki

giá sách

półka na książki
półki na książki

rèm

zasłona
zasłony

nệm

materac
materace

gối

poduszka
poduszki

chăn

koc
koce

kệ

półka
półki

ngăn kéo

szuflada
szuflady

tủ quần áo

szafa
szafy

xô

wiadro
wiadra

chổi

miotła
miotły

cái cân

waga
wagi

giỏ đựng đồ giặt

kosz na pranie
kosze na pranie

bồn tắm

wanna
wanny

khăn tắm
to lớn

ręcznik kąpielowy
ręczniki kąpielowe

xà phòng

mydło
mydła

giấy vệ sinh

papier toaletowy
papiery toaletowe

khăn tắm
nhỏ bé

ręcznik
ręczniki

bồn rửa mặt

umywalka
umywalki

cái thang

drabina
drabiny

hộp thư

skrzynka na listy
skrzynki na listy

hàng rào

plot
ploty

Thức ăn

trứng

jajko
jajka

phô mai

ser
sery

sữa

mleko
mleka

cá

ryba
ryby

thịt

mięso
mięsa

xương
món ăn

kość
kości

dầu

olej
oleje

bánh mì

chleb
chleby

đường
món ăn

cukier
cukry

sô cô la

czekolada
czekolady

kẹo

cukierek
cukierki

bánh bông lan

ciasto
ciasta

nước

woda
wody

cà phê

kawa
kawy

trà

herbata
herbaty

bia

piwo
piwa

rượu nho

wino
wina

sa lát

sałatka
sałatki

súp

zupa
zupy

món tráng miệng

deser
desery

bữa ăn sáng

śniadanie
śniadania

bữa trưa

obiad
obiady

bữa tối

kolacja
kolacje

pizza

pizza
pizze

kem

lody
lody

bơ

masło
masła

sữa chua

jogurt
jogurty

cá ngừ

tuńczyk
tuńczyki

cá hồi

łosoś
łososię

giăm bông

szynka
szynki

thịt ba rọi

boczek
boczki

xúc xích

kielbasa
kielbasy

thịt gà tây

mięso z indyka
mięsa z indyka

thịt gà

kurczak
kurczaki

thịt bò

wołowina
wołowiny

thịt heo

wieprzowina
wieprzowiny

thịt cừu

jagnięcina
jagnięciny

bí ngô

dynia
dynie

nấm

grzyb
grzyby

nấm cục

trufła
trufle

tỏi

czosnek
czosnki

tỏi tây

por
pory

gừng

imbir
imbiry

cà tím

bakłażan
bakłażany

khoai lang

batat
bataty

cà rốt

marchew
marchwie

dưa chuột

ogórek
ogórki

ớt

chili
chili

ớt chuông

papryka
papryki

củ hành

cebula
cebule

khoai tây

ziemniak
ziemniaki

bông cải trắng

kalafior
kalafiory

bắp cải

kapusta
kapusty

bông cải xanh

brokuł
brokuły

xà lách

sałata
sałaty

rau chân vịt

szpinak
szpinaki

tre

bambus
bambusy

ngô

kukurydza
kukurydze

cần tây

seler
selery

đậu Hà Lan

groch
grochy

hạt đậu

fasola
fasole

quả lê

gruszka
gruszki

quả táo

jabłko
jabłka

quả ô liu

oliwka
oliwki

quả sung

figa
figi

quả chà là

daktyl
daktyle

quả dừa

kokos
kokosy

quả hạnh nhân

migdał
migdały

hạt phỉ

orzech laskowy
orzechy laskowe

đậu phộng

orzech ziemny
orzechy ziemne

quả chuối

banan
banany

quả xoài

mango
mango

quả kiwi

kiwi
kiwi

quả bơ

awokado
awokada

quả dứa

ananas
ananasy

dưa hấu

arbuz
arbuzy

quả nho

winogrono
winogrona

dưa gang

melon miodowy
melony miodowe

quả mâm xôi

malina
maliny

quả việt quất

jagoda
jagody

quả dâu tây

truskawka
truskawki

quả anh đào

wiśnia
wiśnie

quả mận

śliwka
śliwki

quả mơ

morela
morele

quả đào

brzoskwinia
brzoskwinie

quả chanh

cytryna
cytryny

quả bưởi

grejpfrut
grejpfruty

quả cam

pomarańcza
pomarańcze

cà chua

pomidor
pomidory

bạc hà

mięta
mięty

sả

trawa cytrynowa
trawy cytrynowe

quế

cynamon
cynamony

vani

wanilia
wanilie

muối

sól
sole

tiêu

pieprz
-

cà ri

curry
-

thuốc lá
thực vật

tytoń
tytonie

đậu hũ

tofu
-

giấm

ocet
octy

mì sợi

makaron
makarony

sữa đậu nành

mleko sojowe
mleka sojowe

bột mì

màka
mąki

gạo

ryż
ryże

yến mạch

owies
owsy

lúa mì

pszenica
pszenice

đậu nành

soja
soje

hạt

orzech
orzechy

mật ong

miód
miody

mút

dżem
dżemy

kẹo cao su

guma do żucia
gumy do żucia

bánh kếp

naleśnik
naleśniki

bánh quy

ciastko
ciastka

bánh pudding

budyń
budynie

bánh muffin

muffinka
muffinki

bánh rán vòng

pączek
pączki

nước tăng lực

napój energetyzujący
napoje energetyzujące

nước cam

sok pomarańczowy
soki pomarańczowe

nước táo

sok jabłkowy
soki jabłkowe

sữa lắc

koktajl lodowy
koktajle lodowe

coca cola

coca cola
coca cole

sô cô la nóng

gorąca czekolada
gorące czekolady

rượu cocktail

koktajl
koktajle

rượu rum

rum
rumy

rượu whisky

whisky
whisky

rượu vodka

wódka
wódki

thực đơn

menu
menu

hải sản

owoce morza
owoce morza

mì Ý

spaghetti
spaghetti

sushi

sushi
sushi

bắp rang bơ

popcorn
popcorny

khoai tây lát mỏng

chipsy
chipsy

cánh gà

skrzydełka z kurczaka
skrzydełka z kurczaka

khoai tây chiên

frytki
frytki

mù tạt

musztarda
musztardy

sốt mayonnaise

majonez
majonezy

nước sốt cà chua

keczup
keczupy

bánh mì kẹp

kanapka
kanapki

bánh mì kẹp xúc xích

hot dog
hot dogi

bánh burger

burger
burgery

Trường học

sách

książka
książki

thư viện

biblioteka
biblioteki

bài tập về nhà

zadanie domowe
zadania domowe

bài thi

egzamin
egzaminy

bài học

lekcja
lekcje

khoa học

nauka
nauki

lịch sử

historia

nghệ thuật

sztuka

cây bút

pisak
pisaki

bút chì

ołówek
ołówki

thứ nhất

pierwszy
pierwsze

thứ hai
2

drugi
drugie

thứ ba
3

trzeci
trzecie

thứ tư
4

czwarty
czwarte

ngiên cứu

badania
badania

bằng cấp

stopień naukowy
stopnie naukowe

sân thể thao

boisko
boiska

từ điển

słownik
słowniki

học kì

semestr
semestry

sổ tay

zeszyt
zeszyty

hình học

geometria

chính trị học

polityka

triết học

filozofia

kinh tế học

ekonomia

giáo dục thể chất

wychowanie fizyczne

sinh học

biologia

toán học

matematyka

địa lý

geografia

văn học

literatura

hóa học

chemia

vật lý

fizyka

cái thước

linijka
linijki

cục tẩy

gumka
gumki

cái kéo

nożyczki
nożyczki

băng dính

taśma klejąca
taśmy klejące

keo dán

klej
kleje

bút bi

długopis kulkowy
długopisy kulkowe

kẹp giấy

spinacz
spinacze

3%

trzy procent

100%

sto procent

0%

zero procent

mét khối

metr sześcienny
metry sześciennie

mét vuông

metr kwadratowy
metry kwadratowe

dặm

mila
mile

mét

metr
metry

mi-li-mét

milimetr
milimetry

xen-ti-mét

centymetr
centymetry

đề-xi-mét

decymetr
decymetry

phép cộng

dodawanie

phép trừ

odejmowanie

phép nhân

mnożenie

phép chia

dzielenie

diện tích

powierzchnia
powierzchnie

thể tích

objętość
objętości

hình chữ nhật

prostokąt
prostokąty

hình vuông

kwadrat
kwadraty

tam giác

trójkąt
trójkąty

hình tròn

koło
koła

lít

litr
litry

mililít

mililitr
mililitry

tấn

tona
tony

kilôgam

kilogram
kilogramy

gram

gram
gramy

nam châm

magnes
magnesy

kính hiển vi

mikroskop
mikroskopy

cái phễu

lejek
lejki

phòng thí nghiệm

laboratorium
laboratoria

bài giảng

wykład
wykłady

Thiên nhiên

tro

popiół
popioły

lửa

ogień
ognie

kim cương

diament
diamenty

mặt trăng

Księżyc
Księżycy

mặt trời

Słońce
Słońca

ngôi sao

gwiazda
gwiazdy

hành tinh

planeta
planety

bờ biển
biển

wybrzeże
wybrzeża

hồ

jezioro
jeziora

rừng

las
lasy

sa mạc

pustynia
pustynie

đồi núi

wzgórze
wzgórza

đá
danh từ

skała
skały

con sông

rzeka
rzeki

thung lũng

dolina
doliny

núi

góra
góry

đảo

wyspa
wyspy

đại dương

ocean
oceany

biển

morze
morza

băng

lód
lody

tuyết

śnieg
śniegi

bão táp

burza
burze

mưa

deszcz
deszcze

gió

wiatr
wiatry

cây

drzewo
drzewa

cỏ

trawa
trawy

hoa hồng

róża
róże

hoa

kwiat
kwiaty

kim loại

metal
metale

đất

gleba
gleby

dung nham

lawą
lawy

than

węgiel
węgle

cát

piasek
piaski

đất sét

glina
gliny

tên lửa

rakieta
rakiety

vệ tinh

satelita
satelity

thiên hà

galaktyka
galaktyki

tiểu hành tinh

asteroida
asteroidy

lục địa

kontynent
kontynenty

đường Xích đạo

równik
równiki

Nam cực

Biegun Południowy
Bieguny Południowe

Bắc cực

Biegun Północny
Bieguny Północne

suối

potok
potoki

rừng nhiệt đới

las deszczowy
lasy deszczowe

hang

jaskinia
jaskinie

thác nước

wodospad
wodospady

bờ biển
con sông

wybrzeże
wybrzeża

sông băng

lodowiec
lodowce

động đất

trzęsienie ziemi
trzęsienia ziemi

miệng núi lửa

krater
kratery

núi lửa

wulkan
wulkany

khí quyển

atmosfera
atmosfery

lũ lụt

powódź
powodzie

sương mù
danh từ

mgła
mgły

cầu vồng

tęcza
tęcze

tiếng sấm

grzmot
grzmoty

tia chớp

błyskawica
błyskawice

cơn dông

burza z piorunami
burze z piorunami

nhiệt độ

temperatura
temperatury

bão nhiệt đới

tajfun
tajfuny

bão

huragan
huragany

mây

chmura
chmury

cành cây

gałąź
gałęzie

lá cây

liść
liście

rễ cây

korzeń
korzenie

thân cây

pień
pnie

hạt giống

nasiono
nasiona

nhựa

plastik
plastiki

cacbon điôxít

dwutlenek węgla
dwutlenki węgla

nguyên tử

atom
atomy

sắt

żelazo

ôxy

tlen

vàng

bạc

złoto

srebro

Giao thông

xe hơi

samochód
samochody

xe buýt

autobus
autobusy

xe lửa

pociąg
pociągi

ga xe lửa

stacja kolejowa
stacje kolejowe

trạm dừng xe buýt

przystanek autobusowy
przystanki autobusowe

máy bay

samolot
samoloty

tàu

statek
statki

xe tải

ciężarówka
ciężarówki

xe đạp

rower
rowery

xe mô tô

motocykl
motocykle

xe taxi

taksówka
taksówki

đèn giao thông

sygnalizacja świetlna
sygnalizacje świetlne

bãi đậu xe

parking
parkingi

đường
xe hơi

droga
drogi

ắc quy

bateria
baterie

động cơ
xe hơi

silnik
silniki

túi khí

poduszka powietrzna
poduszki powietrzne

vô-lăng

kierownica
kierownice

dây an toàn

pas bezpieczeństwa
pasy bezpieczeństwa

lốp xe

opona
opony

cốp sau

bagażnik
bagażniki

máy bán vé

automat biletowy
automaty biletowe

phòng bán vé

kasa biletowa
kasy biletowe

tàu điện ngầm

metro
metra

tàu cao tốc

pociąg szybkobieżny
pociągi szybkobieżne

đầu máy

lokomotywa
lokomotywy

xe điện

tramwaj
tramwaje

xe buýt trường học

autobus szkolny
autobusy szkolne

xe buýt nhỏ

minibus
minibuses

sân bay

lotnisko
lotniska

hãng hàng không

linia lotnicza
linie lotnicze

máy bay trực thăng

helikopter
helikoptery

hạng nhất

klasa pierwsza
klasy pierwsze

hạng phổ thông

klasa ekonomiczna
klasy ekonomiczne

hạng thương gia

klasa biznes
klasy biznes

áo phao

kamizelka ratunkowa
kamizelki ratunkowe

công ten nơ

kontener
kontenery

tàu ngầm

łódź podwodna
łodzie podwodne

tàu du lịch

statek wycieczkowy
statki wycieczkowe

tàu chở hàng

kontenerowiec
kontenerowce

du thuyền

jacht
jachty

phà

prom
promy

hải cảng

port
porty

xuồng cứu sinh

łódź ratunkowa
łodzie ratunkowe

ra đa

radar
radary

đèn đường

latarnia
latarnie

vĩa hè

chodnik
chodniki

trạm xăng

stacja benzynowa
stacje benzynowe

công trường

plac budowy
place budowy

vạch qua đường

przejście dla pieszych
przejścia dla pieszych

tắc đường

korek uliczny
korki uliczne

đường cao tốc

autostrada
autostrady

xe tăng

czołg
czołgi

máy xúc

koparka
koparki

máy kéo

traktor
traktory

rơ-moóc

przyczepa
przyczepy

xe tay ga

skuter
skutery

xe cáp treo

kolejka linowa
kolejki linowe

Thành phố

bệnh viện

szpital
szpitale

trường học

szkoła
szkoły

nhà ở

dom
domy

hóa đơn

rachunek
rachunki

chợ

rynek
rynki

siêu thị

supermarket
supermarkety

căn hộ

apartament
apartamenty

trường đại học

uniwersytet
uniwersytety

nông trại

gospodarstwo rolne
gospodarstwa rolne

nhà thờ

kościół
kościóły

nhà hàng

restauracja
restauracje

quán bar

bar
bary

phòng thể dục

siłownia
siłownie

công viên

park
parki

nhà vệ sinh
đại cương

toaleta
toalety

bản đồ

mapa
mapy

xe cứu thương

ambulans
ambulanse

cảnh sát
đại cương

policja
policje

lính cứu hỏa
đại cương

straż pożarna
straże pożarne

quốc gia

kraj
kraje

ngoại ô

przedmieście
przedmieścia

ngôi làng

wioska
wioski

bảo hành

gwarancja
gwarancje

trung tâm mua sắm

centrum handlowe
centra handlowe

tiệm thuốc

apteka
apteki

tòa nhà chọc trời

drapacz chmur
drapacze chmur

lâu đài

zamek
zamki

đại sứ quán

ambasada
ambasady

giáo đường Do Thái

synagoga
synagogi

ngôi đền

świątynia
świątynie

nhà máy

fabryka
fabryki

nhà thờ Hồi giáo

meczet
meczetny

tòa thị chính

ratusz
ratusze

bưu điện

poczta
pocztę

đài phun nước

fontanna
fontanny

câu lạc bộ đêm

klub nocny
kluby nocne

băng ghế

ławka
ławki

sân golf

pole golfowe
pola golfowe

sân bóng đá

stadion piłkarski
stadiony piłkarskie

hồ bơi
tòa nhà

basen
baseny

sân quần vợt

kort tenisowy
korty tenisowe

thông tin du lịch

Informacja turystyczna
informacje turystyczne

sòng bạc

kasyno
kasyna

phòng triển lãm nghệ thuật

galeria sztuki
galerie sztuki

bảo tàng

muzeum
muzea

công viên quốc gia

park narodowy
parki narodowe

quà lưu niệm

pamiątka
pamiątki

thủy cung

akwarium
akwaria

trượt nước

zjeżdżalnia wodna
zjeżdżalnie wodne

tàu lượn siêu tốc

kolejka górska
kolejki górskie

công viên nước

park wodny
parki wodne

vườn bách thú

ogród zoologiczny
ogrody zoologiczne

sân chơi

plac zabaw
place zabaw

cửa thoát hiểm
tòa nhà

wyjście ewakuacyjne
wyjścia ewakuacyjne

chuông báo cháy

alarm przeciwpożarowy
alarmy przeciwpożarowe

bình cứu hỏa

gaśnica
gaśnice

đồn cảnh sát

posterunek policji
posterunki policji

tiểu bang

państwo
państwa

khu vực

region
regiony

thủ đô

kapitał
kapitały

Bệnh viện

tai nạn

wypadek
wypadki

bệnh nhân

pacjent
pacjenci

phẫu thuật

operacja
operacje

viên thuốc

pigułka
pigułki

sốt

gorączka
gorączki

ho

kaszel
kaszle

phòng cấp cứu

izba przyjęć
izby przyjęć

khoa hồi sức tích cực

oddział intensywnej terapii
oddziały intensywnej terapii

phòng chờ

poczekalnia
poczekalnie

thuốc aspirin

aspiryna
aspiryny

thuốc ngủ

pigułka nasenna
pigułki nasenne

ngày hết hạn

data ważności
daty ważności

liều lượng

dawkowanie

-

si-rô ho

syrop na kaszel
syropy na kaszel

tác dụng phụ

efekt uboczny
efekty uboczne

insulin

insulina

-

bột

proszek
proszki

viên nhộng

kapsułka
kapsułki

vitamin

witamina
witaminy

thuốc giảm đau

lek przeciwbólowy
leki przeciwbólowe

kháng sinh

antybiotyk
antybiotyki

vi khuẩn

bakteria
bakterie

vi rút

wirus
wirusy

đau tim

atak serca
ataki serca

tiêu chảy

biegunka
biegunki

tiểu đường

cukrzyca
cukrzyce

đột quỵ

udar
udary

hen suyễn

astma
astmy

ung thư

nowotwór
nowotwory

cúm

grypa
grypy

đau răng

ból zęba
ból zębów

cháy nắng

oparzenie słoneczne
oparzenia słoneczne

viêm họng

ból gardła
ból gardła

đau bụng

ból brzucha
ból brzucha

nhiễm trùng

infekcja
infekcje

dị ứng

alergia
alergie

chuột rút

skurcz
skurcze

đau đầu

ból głowy
ból głowy

ống tiêm

strzykawka
strzykawki

nặng

kula
kule

chụp X quang

zdjęcie rentgenowskie
zdjęcia rentgenowskie

máy siêu âm

ultrasonograf
ultrasonografy

bó bột
nhỏ bé

plaster
plastry

xe lăn

wózek inwalidzki
wózki inwalidzkie

bó bột
gãy xương

gips
gipsy

mạch

puls
pulsy

chấn thương

zranienie
zranienia

cấp cứu

nagły wypadek
nagłe wypadki

chấn động

wstrząs mózgu
wstrząsy mózgu

vết bỏng

oparzenie
oparzenia

gãy xương

złamanie
złamania

thuốc tránh thai

pigułka antykoncepcyjna
pigułki antykoncepcyjne

thử thai

test ciążyowy
testy ciążyowe

Nghề nghiệp

bác sĩ

lekarz
lekarze

y tá

pielęgniarka
pielęgniarki

cảnh sát
người

policjant
policjanci

tổng thống

prezydent
prezydenci

thuyền trưởng

kapitan
kapitanowie

thám tử

detektyw
detektywi

phi công

pilot
piloci

giáo sư

profesor
profesorowie

giáo viên

nauczyciel
nauczyciele

luật sư

prawnik
prawnicy

thư ký

sekretarka
sekretarki

trợ lý

asystent
asystenci

thẩm phán

sędzia
sędziowie

quản lý

menedżer
menedżerowie

đầu bếp

kucharz
kucharze

tài xế taxi

taksówkarz
taksówkarze

tài xế xe buýt

kierowca autobusu
kierowcy autobusów

người mẫu

model
modele

nghệ sĩ

artysta
artyści

thủ tướng

premier
premierzy

dược sĩ

farmaceuta
farmaceuci

lính cứu hỏa
người

strażak
strażacy

nha sĩ

dentysta
dentyści

doanh nhân

przedsiębiorca
przedsiębiorcy

chính trị gia

polityk
politycy

lập trình viên

programista
programiści

tiếp viên hàng không

stewardesa
stewardesy

nhà khoa học

naukowiec
naukowcy

giáo viên mầm non

przedszkolanka
przedszkolanki

kiến trúc sư

architekt
architekci

kế toán viên

księgowy
księgowi

tư vấn viên

konsultant
konsultanci

công tố viên

prokurator
prokuratorzy

tổng quản lý

dyrektor zarządzający
dyrektorzy zarządzający

vệ sĩ

ochroniarz
ochroniarze

chủ nhà

gospodarz
gospodarze

bồi bàn

kelner
kelnerzy

nhân viên bảo vệ

ochroniarz
ochroniarze

bộ đội

żołnierz
żołnierze

ngư dân

rybak
rybacy

nhân viên vệ sinh

sprzątac
sprzątacze

thợ sửa ống nước

hydraulik
hydraulicy

thợ điện

elektryk
elektrycy

nông dân

rolnik
rolnicy

lễ tân

repcjonista
repcjoniści

người đưa thư

listonosz
listonosze

thu ngân

kasjer
kasjerzy

thợ làm tóc

fryzjer
fryzjerzy

tác giả

autor
autorzy

nhà báo

dziennikarz
dziennikarze

nhiếp ảnh gia

fotograf
fotografowie

nhân viên cứu hộ

ratownik
ratownicy

ca sĩ

piosenkarz
piosenkarze

nhạc sĩ

muzyk
muzycy

diễn viên

aktor
aktorzy

phóng viên

reporter
reporterzy

huấn luyện viên

trener
trenerzy

trọng tài

sędzia
sędziowie

Kinh doanh

tiền

pieniądze
pieniądze

văn phòng

biuro
biura

áp lực

stres
stresy

bảo hiểm

ubezpieczenie
ubezpieczenia

nhân viên
công ty

personel
-

bộ phận

departament
departamenty

lương

wynagrodzenie
wynagrodzenia

địa chỉ

adres
adresy

lá thư

list
listy

số điện thoại

numer telefonu
numery telefonu

url

adres URL
adresy URL

địa chỉ email

adres mailowy
adresy mailowe

trang mạng

strona internetowa
strony internetowe

thư điện tử

e-mail
e-maile

chữ ký

podpis
podpisy

thua lỗ

strata
straty

lợi nhuận

zysk
zyski

khách hàng

klient
klienci

số tiền

suma
sumy

thẻ tín dụng

karta kredytowa
karty kredytowe

mật khẩu

hasło
hasła

máy rút tiền

bankomat
bankomaty

thuế

podatek
podatki

phòng họp

pokój spotkań
pokoje spotkań

danh thiếp

wizytówka
wizytówki

công nghệ thông tin

IT
-

nhân sự

zasoby ludzkie
zasoby ludzkie

bộ phận pháp lý

dział prawny
działy prawne

kế toán

rachunkowość
-

tiếp thị

marketing
-

bán hàng

sprzedaż
sprzedaże

đồng nghiệp

kolega
koledzy

người sử dụng lao động

pracodawca
pracodawcy

nhân viên
người

pracownik
pracownicy

chú thích

notatka
notatki

thuyết trình

prezentacja
prezentacje

bìa cứng

teczka
teczki

con dấu cao su

pieczęć
pieczęćki

máy chiếu

projektor
projektory

bưu kiện

paczka
paczki

con tem

zaczek
znaczki

phong bì

koperta
koperty

trình duyệt

przeglądarka
przeglądarki

đầu tư

inwestycja
inwestycje

sàn giao dịch chứng khoán

giełda papierów
wartościowych
giełdy papierów wartościowych

tiền giấy

banknot
banknoty

tiền xu

moneta
monety

tiền lãi

odsetki
odsetki

khoản vay

pożyczka
pożyczki

số tài khoản

numer konta
numery kont

tài khoản ngân hàng

konto bankowe
konta bankowe

Thiết bị

điện thoại

telefon
telefony

bộ tivi

telewizor
telewizory

máy ảnh

aparat fotograficzny
aparaty fotograficzne

đài radio

radio
radia

quạt

wentylator
wentylatory

máy điều hòa

klimatyzacja
klimatyzacje

máy pha cà phê

ekspres do kawy
ekspresy do kawy

máy nướng bánh mì

toster
tostery

máy hút bụi

odkurzacz
odkurzacze

máy sấy tóc

suszarka
suszarki

ấm đun nước

czajnik
czajniki

máy rửa chén

zmywarka
zmywarki

bếp điện

kuchenka
kuchenki

lò nướng

piekarnik
piekarniki

lò vi sóng

mikrofalówka
mikrofalówki

tủ lạnh

lodówka
lodówki

máy giặt

pralka
pralki

điều khiển từ xa

pilot
piloty

tai nghe

słuchawka
słuchawki

chuột

mysz
myszy

bàn phím

klawiatura
klawiatury

ổ cứng

twardy dysk
twarde dyski

thanh USB

pamięć USB
pamięci USB

máy quét

skaner
skanery

máy in

drukarka
drukarki

màn hình

ekran
ekrany

máy tính xách tay

laptop
laptopy

rô bốt

robot
roboty

loa

głośnik
głośniki

